

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 606/2024/HC-PT
Ngày 05 tháng 11 năm 2024
“V/v khiếu kiện đối với quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Bà Trần Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 361/2024/TLPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện đối với quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12110/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T nhà thờ (nay là thôn T), xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T2 (có mặt), ông Đinh Hữu C (có mặt) và ông Bùi Xuân G (vắng mặt); đều là Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đinh Chính Q, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện ông Nguyễn Đức T, người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:*

Bố mẹ ông T là ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1955 (chết năm 2020) và bà Mai Thị H, sinh năm 1955 tạo lập được thửa đất số 166, tờ bản đồ số 2HQ, diện tích 824m², tại xóm T, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số AE 047477, số vào sổ 01144/H/2006, ngày 04/05/2006. Ngày 15/3/2017, ông P và bà H đã tặng cho ông T diện tích 85,5m² đất ở thuộc thửa đất nêu trên theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, số công chứng 00245, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 15/3/2017 của Văn phòng C1. Sau khi nhận tặng cho một phần thửa đất nêu trên, ông T đã sinh sống trên thửa đất đó, ông P giữ toàn bộ Hợp đồng tặng cho này mà không giao cho ông T quản lý. Năm 2017 Nhà nước tiến hành thủ tục kiểm kê bồi thường, ông P là người trực tiếp làm các thủ tục liên quan đến việc thu hồi đất, sau đó ông P bị bệnh tai biến nằm liệt tại chỗ nên gia đình không tìm được Hợp đồng tặng cho; đến năm 2022, sau khi ông P chết thì gia đình tìm được và đã cung cấp cho cơ quan Nhà nước. Thời điểm ông T xuất trình hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì ông T chưa tiến hành thủ tục đăng ký biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì bố ông T cất giữ hợp đồng và hiện nay phần diện tích đất ông T được bố mẹ tặng cho đã bị thu hồi trong Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư B (giai đoạn 1) tại xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng cho nên ông T không thể thực hiện việc đăng ký biến động đất đai.

Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T ban hành Thông báo số 555/TB-UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B (giai đoạn 1) tại xã D, Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau đó đã ban hành các Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án; Quyết định số 7659/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bắc sông Cấm (kèm theo quyết định là Phương án bồi thường, hỗ trợ số 16/PA-TCT ngày 26/10/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất); Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bắc sông Cấm (kèm theo quyết định là Phương án bồi thường, hỗ trợ số 09/PA-TCT ngày 26/10/2020 của Trung tâm phát triển quỹ đất). Toàn bộ diện tích 85,5m² đất ở và tài sản trên đất của ông T được ông P và bà H tặng cho bị UBND huyện T, thành phố Hải Phòng thu hồi để thực hiện dự án.

Gia đình ông T đồng ý với chủ trương, chính sách thu hồi đất của Nhà nước nên đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất nhưng việc UBND huyện T không xem xét hỗ trợ tái định cư cho gia đình là không đúng. Do đó ngày 04/10/2023, ông T có đơn kiến nghị gửi UBND huyện T đề nghị hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình. Ngày 26/10/2023, Thanh tra huyện T tổ chức làm việc về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông T. Ngày 02/11/2023, UBND huyện T ban hành Văn bản số 3697/UBND-TTr trả lời đơn kiến nghị, xác định ông T không thuộc trường hợp được xét giao đất tái định cư.

Việc UBND huyện T ban hành Văn bản số 3697/UBND-TTr trả lời đơn kiến nghị với ông T là không đúng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vì: Theo Quyết định số 7631/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND huyện T đã thu hồi diện tích 498,5m² đất ở của bố mẹ ông T. Trong đó có diện tích 85,5m² đất ở đã được ông P, bà H tặng cho ông T từ ngày 15/3/2017. Theo quy định của pháp luật thì người có đất bị thu hồi sẽ được Nhà nước hỗ trợ tái định cư. UBND huyện T không hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình ông T là trái luật định vì tại khoản 1 Điều 74 Luật Đất đai quy định về nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi “Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường” và theo quy định tại Điều 75, điểm c khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai có thể khẳng định toàn bộ diện tích 85,5m² đất ở đã bị thu hồi của ông T hoàn toàn đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ. UBND huyện T căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 17 Luật Đất đai, Điều 503 Bộ luật Dân sự cho rằng ông T không đủ điều kiện để được bồi thường giao đất tái định cư là không đúng, hiểu sai tinh thần của điều luật, tất cả các điều luật này không có chỗ nào quy định nếu chưa đăng ký biến động đất đai thì không đủ điều kiện được bồi thường đất tái định cư. Do đó căn cứ vào Điều 74, Điều 75, Điều 83, Điều 100 Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ yêu cầu tuyên hủy Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T và buộc UBND huyện T hỗ trợ giao đất tái định cư cho ông T theo quy định pháp luật.

- Người bị kiện UBND huyện T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

1. Đối với yêu cầu hủy Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T:

Ngày 12/10/2023, UBND huyện T nhận được đơn của ông T, kiến nghị xét giao 01 lô đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B tại xã D, huyện T. Căn cứ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thu hồi đất để thực hiện dự án và đối chiếu với quy định của pháp luật, ngày 02/11/2023, UBND huyện ban hành Văn bản số 3697/UBND-TTr trả lời đơn kiến nghị của ông T; theo đó nội dung kiến nghị của ông T là không có cơ sở giải quyết. Như vậy, Công văn số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của

UBND huyện T được ban hành là đúng thẩm quyền, thể thức, nội dung phù hợp với quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

2. Đối với yêu cầu buộc UBND huyện T hỗ trợ giao đất tái định cư cho gia đình ông T:

Về nguồn gốc đất: Theo GCNQSDĐ do UBND huyện cấp số seri AE 047477, số vào sổ 01144/H/2006, ngày 04/5/2006 cho ông Nguyễn Đức P và bà Mai Thị H, diện tích 824m², tại thửa số 166, tờ bản đồ 02HQ, thuộc xóm T, xã D, huyện T. Theo mảnh trích đo địa chính tỉ lệ 1/1000 do Trung tâm K đo vẽ được Sở T5 ký duyệt ngày 29/12/2017 thể hiện: Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 03, diện tích 824m², trong đó diện tích trong chỉ giới thu hồi là 498,5m², diện tích ngoài chỉ giới thu hồi đất là 325,5m². Căn cứ GCNQSDĐ và trích đo địa chính thu hồi đất xác định hộ ông P (bố đẻ ông T) đang sử dụng đất tại thửa đất số 166, tờ bản đồ số 02HQ, có diện tích 824m² theo GCNQSDĐ (tức thửa đất số 48, tờ bản đồ số 03, diện tích 824m² theo mảnh trích đo địa chính thu hồi đất). UBND huyện ký duyệt trích lục nguồn gốc đất đai khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B tại xã D, do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện T và UBND xã D, đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xác định đối tượng quản lý sử dụng đất là ông Nguyễn Đức P và bà Mai Thị H đúng theo quy định tại Điều 4, Điều 17 Luật Đất đai 2013.

Về kiểm kê, lập phương án bồi thường hỗ trợ: Ngày 29/12/2017, UBND huyện T ban hành Thông báo số 555/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B (giai đoạn I) tại xã D, huyện T. Ngày 15/3/2018, UBND huyện đã họp dân, triển khai thông báo thu hồi đất và công tác kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; bàn giao thông báo thu hồi đất, bàn giao bản tự kê khai đất, tài sản trên đất đến các hộ dân thuộc chỉ giới thu hồi. Ngày 16/4/2018, Tổ công tác giải phóng mặt bằng của dự án lập biên bản kiểm kê, tiến hành kiểm kê đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất của hộ ông P (vợ là bà H), đại diện hộ gia đình ông Nguyễn Đức P đã ký biên bản kiểm kê. Ngày 26/10/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 7631/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án; theo đó thu hồi 498,5m² đất ở của ông P (vợ là bà H) để thực hiện dự án. Ngày 26/10/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 7659/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm theo phương án số 16/PA-TCT). Tổng số tiền hộ ông P được bồi thường, hỗ trợ là 5.494.517.794 đồng. Ngày 25/10/2020 Tổ công tác giải phóng mặt bằng dự án phối hợp với UBND xã D biên bản kết thúc niêm yết công khai trích lục nguồn gốc đất đai, dự thảo phương án bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 26/10/2020, Tổ công tác giải phóng mặt bằng dự án tiến

hành niêm yết công khai Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại trụ sở UBND xã D, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã và bàn giao Quyết định thu hồi đất Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án chi tiết (trong đó có hộ ông P). Trong thời gian niêm yết công khai đến khi kết thúc niêm yết công khai, Tổ công tác giải phóng mặt bằng dự án và UBND xã D không nhận được ý kiến, kiến nghị về nguồn gốc đất đai, phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến hộ ông P. Ngày 30/6/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 3770/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ (kèm theo phương án số 02/PA-TCT). Tổng số tiền được điều chỉnh bổ sung cho hộ ông P là 133.112.905 đồng. Như vậy, việc lập và phê duyệt trích lục nguồn gốc đất đai đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H; Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Phương án bồi thường, hỗ trợ được lập đảm bảo theo quy định tại Điều 74, Điều 75 luật Đất đai 2013. Ngày 23/8/2023, bà Mai Thị H (mẹ đẻ ông T) đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo các phương án đã được UBND huyện T phê duyệt.

Về điều kiện giao đất tái định cư: Tại thời điểm kiểm kê, hộ ông Nguyễn Đức P kê khai có 09 nhân khẩu, 02 cặp vợ chồng đang ăn ở, sinh hoạt trên đất từ trước khi có thông báo thu hồi đất đến khi ban hành quyết định thu hồi đất, gồm: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1955 (chủ hộ); bà Mai Thị H, sinh năm 1955 (vợ); anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979 (con); chị Vũ Thị Như Q1, sinh năm 1991 (con dâu); Nguyễn Thảo L, sinh năm 2014 (cháu); Nguyễn Đức T3, sinh năm 2015 (cháu); chị Nguyễn Thị G1, sinh năm 1981 (con gái); anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986 (con trai); anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1988 (con trai). Theo trích lục nguồn gốc đất đai xác định phần diện tích đất ở còn lại của hộ ông P là 325,5m² đủ điều kiện để ở, đối chiếu với khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì hộ ông P không đủ điều kiện giao đất tái định cư của dự án. Căn cứ nêu trên, UBND xã D không đề xuất giao đất tái định cư của dự án cho hộ ông P.

Về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất: Ngày 12/10/2023, UBND huyện T nhận được đơn kiến nghị của ông T đề nghị giao đất tái định cư cho ông T với lý do ông P và bà H đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T và được Văn phòng C1 chứng thực ngày 15/3/2017, số vào sổ 00245, quyển 01TP/CC-SCC/HDGD, diện tích 85,5m² nằm trong phần diện tích 498,5m² đất thuộc chỉ giới thu hồi đất thực hiện dự án. Căn cứ Điều 503 Bộ Luật Dân sự quy định "Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật Đất đai"; Điều 95 Luật Đất đai 2013 quy định: "Đăng ký đất

đai là bắt buộc đối với người sử dụng đất và người giao đất để quản lý; các trường hợp đăng ký biến động do chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có biến động, người sử dụng đất phải thực hiện thủ tục đăng ký biến động". Như vậy, năm 2017 ông P và bà H tặng cho quyền sử dụng đất cho con nhưng sau đó ông T không đăng ký biến động đất đai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; khi tiến hành kiểm kê, kê khai làm thủ tục thu hồi đất cũng không thông báo hay xuất trình hợp đồng tặng cho. Căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự về hiệu lực hợp đồng tặng cho cũng như các quy định của pháp luật đất đai khi chưa đăng ký biến động đất đai theo quy định của Luật Đất đai thì việc chuyển quyền chưa có hiệu lực. Do đó, theo quy định tại Điều 4, Điều 17 Luật Đất đai 2013 xác định Nhà nước chưa trao quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất cho ông T nên không đủ điều kiện bồi thường về đất cho ông T theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai 2013. Ông T không phải đối tượng được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai 2013 nên không phải đối tượng hỗ trợ giao đất tái định cư. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 74, Điều 75, Điều 79, điểm a khoản 4 Điều 95, khoản 7 Điều 94, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Điều 459, Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T về việc yêu cầu:

+ Huỷ Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T.

+ Buộc UBND huyện T phải thực hiện việc hỗ trợ giao đất tái định cư cho ông Nguyễn Đức T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

- Ngày 15/5/2024, ông Nguyễn Đức T1 đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày: UBND huyện T thu hồi đất, các khoản đã bồi thường là đầy đủ, hộ gia đình ông Nguyễn Đức T đồng ý, không có ý kiến gì đối với các khoản tiền đã nhận bồi thường. Riêng đối với phần diện tích đất 85,5m² của ông Nguyễn Đức T đã được bố mẹ tặng cho, có

hợp đồng và có công chứng theo đúng quy định của pháp luật, UBND huyện T thu hồi toàn bộ để thực hiện dự án nhưng không hỗ trợ 01 suất tái định cư là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, buộc UBND huyện T giao cho ông Nguyễn Đức T 01 suất đất tái định cư.

- Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Diện tích 85,5m² đất ở và các tài sản trên đất của ông Nguyễn Đức T được ông Nguyễn Đức P, bà Mai Thị H tặng cho là hợp pháp từ ngày 15/3/2017 và hiện nay UBND huyện T đã thu hồi toàn bộ để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B (giai đoạn 1) tại xã D, Q, huyện T. Việc bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là đúng và gia đình đã nhận tiền nhưng UBND huyện T không xem xét hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Đức T 01 suất đất là không đúng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Đức T vì theo quy định tại Điều 75, điểm c khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai thì phần diện tích 85,5m² đất này có đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ nên khi người có đất bị thu hồi sẽ được Nhà nước hỗ trợ tái định cư; UBND huyện T không hỗ trợ, giao đất tái định cư cho ông Nguyễn Đức T là trái quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Đất đai. UBND huyện T căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 17 Luật Đất đai, Điều 503 Bộ luật Dân sự cho rằng ông Nguyễn Đức T không đủ điều kiện để được bồi thường giao đất tái định cư là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các Điều 74, 75, 83, 100 Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức T, tuyên hủy Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, buộc UBND huyện T hỗ trợ giao 01 suất đất tái định cư cho ông Nguyễn Đức T và sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T do người đại diện theo uỷ quyền làm là trong phạm vi uỷ quyền, đúng luật, trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T do người đại

diện theo uỷ quyền làm là trong phạm vi uỷ quyền, đúng pháp luật, trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền và có mặt 02/03 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; vắng mặt người bị kiện nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Ngày 17/01/2024, người khởi kiện có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên huỷ Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và buộc UBND huyện T, thành phố Hải Phòng hỗ trợ giao 01 suất đất tái định cư. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 3; Điều 115; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:

Ngày 12/10/2023, UBND huyện T nhận được đơn của ông Nguyễn Đức T có nội dung kiến nghị xem xét giao 01 lô đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B tại xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng; ngày 02/11/2023, UBND huyện ban hành Văn bản số 3697/UBND-TTr trả lời đơn kiến nghị của ông Nguyễn Đức T là đúng thẩm quyền, thể thức văn bản quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 của UBND huyện T, thành phố Hải Phòng về nội dung:

Theo hồ sơ quản lý đất đai thể hiện thửa đất số 166, tờ bản đồ số 02HQ, được Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Đức P và bà Mai Thị H sử dụng, tổng diện tích là 824m², tại xóm T, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng và đã được UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSDĐ số AE 047477, sổ vào sổ 01144/H/2006 ngày 04/05/2006; trong đó, diện tích đất nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B (giai đoạn 1) tại xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng là 498,5m², loại đất: ONT, nguồn gốc đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất nằm ngoài chỉ giới thu hồi thực hiện dự án là 325,5m².

Ngày 15/3/2017 ông Nguyễn Đức P và bà Mai Thị H có tặng cho con trai là ông Nguyễn Đức T quyền sử dụng 85,5m² đất trong tổng số 824m² có địa chỉ nêu trên bằng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, được Văn phòng C1, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/3/2017. Tuy nhiên, sau khi nhận đất được tặng cho thì ông Nguyễn Đức T không thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai, Điều 459 và Điều 503 Bộ luật Dân sự. Trên phần diện tích đất được tặng cho thì ông Nguyễn Đức T cũng không xây dựng công trình gì mới, không xây dựng khuôn viên tách khỏi thửa đất của ông Nguyễn Đức P, bà Mai Thị H mà trên phần diện tích đất này vẫn để nguyên trạng tài sản là 01 phần ngôi nhà gỗ và công trình xây dựng khác của ông Nguyễn Đức P, bà Mai Thị H nên chưa đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại thời điểm UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và các cơ quan liên quan tiến hành kiểm kê, lập phương án thu hồi, bồi thường đất thì ông Nguyễn Đức P, bà Mai Thị H, ông Nguyễn Đức T1 và ông Nguyễn Đức T không ai tiến hành kê khai việc tặng cho một phần quyền sử dụng đất, không ai xuất trình hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất như người khởi kiện ông Nguyễn Đức T trình bày.

Như vậy, tại thời điểm UBND huyện T, thành phố Hải Phòng và các cơ quan liên quan thực hiện việc thu hồi một phần diện tích thửa đất số 166, tờ bản đồ số 02HQ, tại xóm T, xã D, huyện T, thành phố Hải Phòng, có GCNQSDĐ số AE 047477, số vào sổ 01144/H/2006 ngày 04/05/2006 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B (giai đoạn 1) thì ông Nguyễn Đức T là người không có đất bị thu hồi.

Do đó, UBND huyện T, thành phố Hải Phòng ban hành Văn bản số 3697/UBND-TTr ngày 02/11/2023 trả lời, xác định ông Nguyễn Đức T không đủ điều kiện để xét giao đất tái định cư, giao đất ở là đúng theo quy định tại các Điều 74, 75, 79 Luật Đất đai, Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T là có căn cứ pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2024/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000368 ngày 21/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng